



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ-DHĐĐ
ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình : Dược học

Trình độ đào tạo : Dược sỹ đại học

Ngành đào tạo : Dược học

Mã ngành : 7720201

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hà Nội, 2025

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ- ĐHĐĐ ngày 11. tháng 02. năm 2025
của Hiệu trưởng Trường đại học Đông Đô)*

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO

Chương trình đào tạo đại học ngành Dược học được điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Dược học được kế thừa từ chương trình đào tạo ban hành 2023 và được điều chỉnh bổ sung, phát triển nhiều nội dung mới như: Sửa mục tiêu, chuẩn đầu ra, tăng thời lượng cho khối kiến thức chuyên ngành... để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học và chuẩn đầu ra theo yêu cầu thị trường lao động có liên quan đến ngành dược trong nước và hội nhập quốc tế trong điều kiện mới.

1.1. Thông tin chung

- + Tên tiếng Việt: Dược học
- + Tên tiếng Anh: Pharmacy
- Mã ngành: 7220201
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian: 5 năm
- Tên bằng tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Dược sĩ
- + Tiếng Anh: The Degree of Pharmacist
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Dược – Xét nghiệm
- Đơn vị cấp bằng: Trường đại học Đông Đô
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:

a. Đối tượng tuyển sinh (chuẩn đầu vào):

- Theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức 100, 200, 500

Các tổ hợp xét tuyển:

- A00: Toán học, Vật lý, Hóa học
- A02: Toán, Lý, Sinh
- B00: Toán, Hóa Học, Sinh Học
- B04: Toán, Sinh Học, GDKTPL
- B08: Toán, Sinh Học, Tiếng Anh
- D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

- Những phương án tuyển sinh mới sẽ được Trường đại học Đông Đô cập nhật hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo

b. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- **Điều kiện tốt nghiệp:** Kết thúc khoá học, sinh viên có đủ các tiêu chí sau sẽ được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

- + Tích lũy đủ 150 tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo;
- + Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- + Có tiếng Anh đạt trình độ theo quy định khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung châu Âu, trình độ tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Đông Đô;
- + Có chứng chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh;
- + Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- + Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo được sỹ trình độ đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở vững vàng, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn tốt, để có đủ khả năng hướng dẫn người bệnh hoặc nhân dân sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; chủ trì hoặc tham gia vào quy trình sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc đảm bảo chất lượng và thực hiện đúng các quy định về hành nghề dược trong nền kinh tế thị trường; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: (K) Học xong chương trình, sinh viên có kiến thức chuyên môn vững vàng về các lĩnh vực bào chế, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe để cung cấp cho thị trường các sản phẩm chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh và chữa bệnh đạt hiệu quả cao, an toàn khi sử dụng

PO2: (K) Có kiến thức cơ bản để đánh giá hiệu quả kinh tế trong sản xuất, kinh doanh dược phẩm theo xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường tại Việt Nam và hội nhập quốc tế.

PO3: (S) Có kỹ năng giới thiệu, cung cấp thông tin thuốc cho nhân viên y tế, tham gia vào hoạt động kê đơn thuốc và giám sát sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, tại các cơ sở y tế có giường bệnh.

PO4 : (S) Có kỹ năng thông tin, giáo dục, hướng dẫn, tư vấn chuyên môn về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, kinh tế cho người bệnh và người dân trong cộng đồng ; đánh giá được hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm thông qua các chỉ tiêu kinh tế và phương pháp hạch toán giá thành sản phẩm.

PO5: (A) Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; chủ động, sáng tạo trong hoạt động chuyên môn, tinh thần khởi nghiệp chủ động, tạo việc làm cho bản thân và người khác trong lĩnh vực dược học.

PLO6: (A) Triển khai làm việc độc lập, làm việc nhóm; phương pháp khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống, phân biện và tư duy phân tích, có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, dẫn dắt, khởi nghiệp và chủ động hội nhập.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức năng lực
1. Kiến thức		
1.1.	Kiến thức giáo dục đại cương	
PLO1 (K)	Dưới góc độ triết học, hiểu được thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng, sự vật đúng, khách quan, khoa học, hiểu được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính sách pháp luật, an ninh quốc phòng, vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn.	K3/5
PLO2 (K)	Tin học ứng dụng và đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT. Vận dụng kiến thức của công nghệ thông tin vào quản lý, ngoại ngữ đạt (3/6). Vận dụng các kiến thức toán, vật lý đại cương làm nền tảng cho các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu làm chủ công nghệ được và hội nhập quốc tế	K3/5
1.2.	Kiến thức cơ sở ngành	
PLO3 (K)	Phân tích được kiến thức cơ bản về hoá học, sinh học, giải phẫu, ký sinh trùng...	K4 /5
PLO4 (K)	Phân tích được các kiến thức cơ bản về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở để vận dụng cho việc học tập và nghiên cứu các môn học chuyên ngành dược.	K4/5
1.3.	Kiến thức chuyên ngành	
PLO5 (K)	Trình bày, phân tích được các kiến thức chuyên ngành dược trong các lĩnh vực: pháp chế hành nghề dược; bào chế và sinh dược học thuốc, nghiên cứu các hợp chất tự nhiên làm thuốc; dược lâm sàng; hạch toán kinh tế trong sản xuất, kinh doanh dược phẩm.	K4/5
PLO6 (K)	- Thực hiện được các nội dung của công tác quản lý chất lượng thuốc theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực hành tốt (GPs)” trong sản xuất, kiểm tra chất lượng, bảo quản tồn trữ, phân phối, bán lẻ, cảnh giác thuốc tại Việt Nam.	K3/5
2.Kỹ năng		
2.1.Kỹ năng nghề nghiệp		
PLO7 (S)	- Sử dụng thành thạo mức độ cao các dụng cụ, thiết bị và các kỹ thuật cơ bản dùng trong chiết xuất, tổng hợp, bào chế, phân tích và kiểm nghiệm thuốc. - Phân tích được công thức và quy trình sản xuất các dạng thuốc quy ước và một số dạng bào chế mới.	S4/5
PLO8 (S)	- Tra cứu, phân tích được các tương tác thuốc xảy ra trong điều trị; tổ chức và thực hiện được hoạt động thông tin thuốc; tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả cho cán bộ y tế và bệnh	S4/5

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức năng lực
	nhân. - Triển khai thực hiện được các văn bản quản lý nhà nước về dược và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó trong hoạt động hành nghề dược.	
PLO9 (S)	- Vận dụng thành thạo các kiến thức cơ bản về quản lý và đánh giá hiệu quả kinh tế trong hoạt động của doanh nghiệp dược; triển khai kế hoạch cung ứng thuốc và phân tích được số liệu tổng hợp về sử dụng thuốc tại cơ sở y tế. - Triển khai thực hiện có hiệu quả các nguyên tắc thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản tồn trữ, kiểm nghiệm, xuất nhập khẩu, phân phối, bán lẻ thuốc và cảnh giác dược.	S3/5
2.2. Kỹ năng giao tiếp ứng xử		
PLO10 (S)	- Có kỹ năng triển khai làm việc độc lập, làm việc nhóm; phương pháp khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống, phản biện và tư duy phân tích, có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, dẫn dắt, khởi nghiệp và chủ động hội nhập.	S4/5
2.3. Thái độ/ mức tự chủ và chịu trách nhiệm		
PLO11 (A)	- Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm trong công việc. Hành nghề theo quy định của pháp luật, theo quy tắc nghề nghiệp, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện kinh tế. Xây dựng mối quan hệ thân thiện, hợp tác tin tưởng với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng, đồng nghiệp và cộng đồng.	A3/4
PLO12 (A)	- Định hướng nghề nghiệp và đề xuất khởi nghiệp rõ ràng và sẵn sàng học tập suốt đời để đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của ngành dược trong bối cảnh toàn cầu hoá	A3/4

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp được sĩ đại học, sinh viên sẽ có cơ hội việc làm tại các vị trí sau:

- Làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực dược
- Làm việc tại bệnh viện, các trung tâm y tế, trạm y tế xã: Dược sĩ lâm sàng chịu trách nhiệm cung ứng đảm bảo chất lượng thuốc cả về số lượng lẫn chất lượng, tham vấn với bác sĩ trong việc kê toa, cảnh báo tương tác, hướng dẫn dùng thuốc cho những đối tượng đặc biệt.
- Làm việc tại cơ sở sản xuất: Dược sĩ sẽ nghiên cứu quy trình sản xuất, công thức, dạng bào chế, hoạt chất mới, theo dõi quy trình sản xuất, đảm bảo thuốc sản xuất ra đạt chất lượng, nuôi trồng, chiết xuất dược liệu,...
- Làm việc tại các trường y dược: công tác tại khoa dược của các trường y dược với vai trò là giảng viên, kỹ thuật viên,...

- Làm việc tại viện, trung tâm kiểm nghiệm: Dược sĩ có vai trò kiểm tra chất lượng thuốc, phát hiện thuốc giả, thuốc kém chất lượng,...
- Tại cơ sở kinh doanh: Dược sĩ làm việc tại các cơ sở bán lẻ (nhà thuốc), bán buôn (công ty phân phối) hay công ty nhập khẩu.
- Ngoài ra sinh viên sau khi ra trường còn có thể đảm nhận với nhiều vai trò như: Trình dược viên, nhân viên tư vấn dược, các đơn vị có nhu cầu sử dụng dược sĩ trình độ đại học,...
- Nghiên cứu khoa học.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các khối kiến thức	Số TC
Khối kiến thức giáo dục đại cương	37
Khối kiến thức cơ sở ngành	29
Khối kiến thức chuyên ngành	74
Thực tập & Khóa luận tốt nghiệp	10
Tổng	150

6. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
6.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương			37	35	2
1	7GDC001	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	7GDC003	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	2	0
4	7GDC004	Tư tưởng HCM	2	2	0
5	7GDC005	Lịch sử Đảng CSVN	2	2	0
6	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	3	3	0
7	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	3	0
8	7DUC050	Ngôn ngữ Anh chuyên ngành	3	3	0
9	7GDC019	Tin học đại cương	3	1	2
10	7GDC029	Xác suất thống kê y học	2	2	0
11	7DUC001	Đạo đức hành nghề dược	2	2	0
12	7DUC052	Vật lý dược	2	2	0
13	7GDC036	Hóa đại cương	2	2	0
14	7GDC006	Pháp luật đại cương	2	2	0
15	7DUC002	Sinh học đại cương	2	2	0
16	7GDC021	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
Giáo dục Thể chất, Giáo dục QPAN					

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
	7GAQ001	Giáo dục QPAN	8		
	7GTC002	Giáo dục thể chất	4		
6.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
6.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			29	22	7
17	7DUC003	Hóa sinh	3	2	1
18	7DUC004	Hóa hữu cơ	3	2	1
19	7DUC005	Hóa phân tích 1	2	1	1
20	7DUC006	Hóa lý dược	3	2	1
21	7DUC007	Hóa phân tích 2	3	2	1
22	7DUC008	Giải phẫu	2	2	0
23	7DUC009	Sinh lý	2	2	0
24	7DUC010	Bệnh học	3	3	0
25	7DUC011	Vi sinh - Ký sinh trùng	3	2	1
26	7DUC012	Sinh lý bệnh và miễn dịch	2	2	0
27	7DUC013	Thực vật dược	3	2	1
6.2.3. Kiến thức chuyên ngành			74		
6.2.3.1. Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)			62	36	26
28	7DUC014	Dược liệu 1	3	2	1
29	7DUC015	Hóa dược 1	3	2	1
30	7DUC016	Hóa dược 2	3	2	1
31	7DUC017	Dược liệu 2	3	2	1
32	7DUC018	Bào chế và sinh dược học 1	3	2	1
33	7DUC019	Dược lý 1	2	2	0
34	7DUC020	Thực hành dược khoa	3	0	3
35	7DUC021	Dược học cổ truyền	3	2	1
36	7DUC022	Bào chế và sinh dược học 2	3	2	1
37	7DUC023	Dược lý 2	3	2	1
38	7DUC024	Pháp chế dược	3	2	1
39	7DUC025	Quản lý và kinh tế dược	3	2	1
40	7DUC026	Dược động học	2	2	0
41	7DUC027	Dược lâm sàng 1	3	2	1
42	7DUC028	Độc chất học	2	2	0
43	7DUC029	Sức khỏe môi trường	2	2	0
44	7DUC030	Dược lâm sàng 2	3	2	1
45	7DUC031	Kiểm nghiệm dược phẩm	3	2	1
46	7DUC032	Sản xuất thuốc	2	0	2

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
47	7DUC033	Tin học dược	2	0	2
48	7DUC034	Sản xuất thuốc từ dược liệu	2	0	2
49	7DUC035	Marketing và thị trường dược phẩm	3	2	1
50	7DUC036	Thực hành sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm	3	0	3
6.2.3.2. Kiến thức bổ trợ ngành (chọn 12 tín chỉ)			12/16		
51	7DUC037	Mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe	2	2	0
52	7DUC038	Dược cộng đồng	2	2	0
53	7DUC039	Quản lý dược bệnh viện	2	2	0
54	7DUC042	Dược xã hội học	2	2	0
55	7DUC043	Cảnh giác dược	2	2	0
56	7DUC044	Thử thuốc trên lâm sàng và đánh giá tương đương sinh học thuốc	2	2	0
57	7DUC045	Bao bì dược phẩm	2	2	0
58	7DUC047	Phương pháp nghiên cứu dược liệu và thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu làm thuốc (GACP)	2	2	0
6.2.4. Thực tập, khóa luận/đồ án tốt nghiệp			10		
59	7DUC048	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
60	7DUC049	Khoá luận tốt nghiệp	6	0	6
6.2.5. Học thay thế khóa luận tốt nghiệp			6		
61	7DUC040	Hồ sơ đăng ký thuốc	2	1	1
62	7DUC041	Quản lý chất lượng thuốc trong phân phối, tồn trữ, bán lẻ.	2	1	1
63	7DUC046	Quản lý nhà thuốc và kỹ năng bán hàng	2	1	1
		Tổng	150		